

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 409/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981.

2. Chị Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: 55/184 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh G vào ngày 09/11/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Tòa án cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K xác nhận có 02 con chung: Nguyễn Văn Trung H2, sinh ngày 24/10/2010 và Nguyễn Văn Trung K1, sinh ngày 10/11/2013. Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K thỏa thuận giao cháu Nguyễn Văn Trung H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Văn Trung K1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Được khấu trừ vào hết số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005983 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K xác nhận có 02 con chung: Nguyễn Văn Trung H2, sinh ngày 24/10/2010 và Nguyễn Văn Trung K1, sinh ngày 10/11/2013. Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K thỏa thuận giao cháu Nguyễn Văn Trung H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn Trung K1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Thúy K, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005983 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh G (Đăng ký kết hôn số 116, quyển số 01, ngày 09/11/2009);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Nguyễn Đình Tú

